

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

Môn: **Nghệ thuật lãnh đạo; Lớp: CCQ2112MN**

Nhóm: **09**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226018	1	2121120485	Võ Thị Hồng	Anh	CCQ2112N	7.8	6.5	7.0	
226018	2	2121120482	Nguyễn Thị Kiều	Anh	CCQ2112N	8.0	8.0	8.0	
226018	3	2121120477	Nguyễn Thị Lan	Anh	CCQ2112N	8.4	8.5	8.5	
226018	4	2121120442	Nguyễn Thị Minh	Ánh	CCQ2112M	8.3	7.5	7.8	
226018	5	2121120427	Lê Bảo	Châu	CCQ2112M	7.5	7.0	7.2	
226018	6	2121120432	Hồ Sỹ	Chung	CCQ2112M	7.5	7.0	7.2	
226018	7	2121120010	Vũ Quốc	Cường	CCQ2112A	8.1	7.0	7.5	
226018	8	2121120455	Nguyễn Ngọc	Diễm	CCQ2112M	7.3	6.5	6.8	
226018	9	2121120484	Hoàng Anh	Dũng	CCQ2112N	7.8	5.5	6.4	
226018	10	2121120441	Lê Thị Kim	Hân	CCQ2112M	8.0	7.5	7.7	
226018	11	2121120473	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	CCQ2112N	7.5	8.0	7.8	
226018	12	2121120487	Lê Thanh	Hiệp	CCQ2112N	8.0	7.5	7.7	
226018	13	2121120467	Nguyễn Thành	Hợp	CCQ2112N	7.3	7.5	7.4	
226018	14	2121120459	Thành Việt	Hưng	CCQ2112N	8.0	6.5	7.1	
226018	15	2121120443	Lê Thị Thanh	Huyền	CCQ2112M	6.3	7.0	6.7	
226018	16	2121120055	Đàm Thị Như	Huỳnh	CCQ2112B	7.8	6.5	7.0	
226018	17	2121120451	Đặng Lê Nguyên	Khang	CCQ2112M	7.0	5.5	6.1	
226018	18	2121120466	Ngô Thị Vân	Kiều	CCQ2112N	8.0	7.0	7.4	
226018	19	2121120050	Phan Thị	Lệ	CCQ2112B				v
226018	20	2121120423	Cao Thị Thùy	Linh	CCQ2112M	8.5	7.5	7.9	
226018	21	2121120060	Trương Thị Khánh	Linh	CCQ2112B	7.8	5.5	6.4	
226018	22	2121120037	Lê Thành	Long	CCQ2112B	8.4	7.0	7.6	
226018	23	2121120426	Nguyễn Trí	Lục	CCQ2112M	7.0	7.0	7.0	
226018	24	2121120038	Lê Thị Bạch	Mai	CCQ2112B	8.1	4.5	6.0	
226018	25	2121120594	Phan Nhật	Minh	CCQ2112M	7.8	7.0	7.3	
226018	26	2121120051	Nguyễn Thị Trà	My	CCQ2112B	7.8	5.0	6.1	

226018	27	2121120431	Trần Lê My	My	CCQ2112M	7.3	7.5	7.4	
226018	28	2121120463	Phạm Thành	Nam	CCQ2112N	7.6	7.0	7.3	
226018	29	2121120486	Nguyễn Đăng Kim	Ngân	CCQ2112N	8.4	7.5	7.9	
226018	30	2121120440	Võ Thị Hồng	Ngọc	CCQ2112M	7.9	8.0	8.0	
226018	31	2121120483	Phan Như	Ngọc	CCQ2112N	8.3	8.5	8.4	
226018	32	2121120449	Phạm Đình	Nguyên	CCQ2112M	8.0	6.5	7.1	
226018	33	2121120490	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CCQ2112N	7.9	6.5	7.1	
226018	34	2121120464	Nguyễn Thanh Hà	Phương	CCQ2112N	7.4	7.0	7.2	
226018	35	2121120488	Lê Thị Trúc	Phương	CCQ2112N	8.0	7.5	7.7	
226018	36	2121120457	Bùi Thanh	Phương	CCQ2112N	7.8	7.5	7.6	
226018	37	2121120032	Nguyễn Đình Anh	Quang	CCQ2112A	8.0	7.0	7.4	
226018	38	2121120444	Phạm Huỳnh Mỹ	Quyền	CCQ2112M	8.0	6.5	7.1	
226018	39	2121120433	Nguyễn Thị	Tâm	CCQ2112M	7.8	8.0	7.9	
226018	40	2121120489	Trương Thị Mỹ	Tâm	CCQ2112N	7.4	7.5	7.5	
226018	41	2121120453	Nguyễn Trần	Thắng	CCQ2112M	7.3	5.5	6.2	
226018	42	2121120465	Phan Đình Lam	Thanh	CCQ2112N	8.3	7.5	7.8	
226018	43	2121120445	Danh Thị Thu	Thảo	CCQ2112M	8.0	7.5	7.7	
226018	44	2121120593	Linh Thị	Thêm	CCQ2112M	8.3	7.5	7.8	
226018	45	2121120053	Nguyễn Châu	Thiên	CCQ2112B	7.8	4.5	5.8	
226018	46	2121120454	Nguyễn Minh	Thuận	CCQ2112M				v
226018	47	2121120436	Quách Ngọc	Toàn	CCQ2112M	8.0	8.5	8.3	
226018	48	2121120456	Lê Thùy	Trang	CCQ2112N	7.6	7.0	7.3	
226018	49	2121120481	Bùi Thị Quỳnh	Trang	CCQ2112N	7.5	7.0	7.2	
226018	50	2121120475	Trương Thị Ngọc	Trinh	CCQ2112N	8.1	7.5	7.8	
226018	51	2121120458	Phạm Thị Lan	Trinh	CCQ2112N	7.4	8.0	7.8	
226018	52	2121120014	Nguyễn Thị Mỹ	Trúc	CCQ2112A	7.8	7.5	7.6	
226018	53	2121120430	Nguyễn Đăng	Trường	CCQ2112M	7.9	7.0	7.4	
226018	54	2121120472	Lê Thị Cẩm	Tú	CCQ2112N	8.4	7.0	7.6	
226018	55	2121120476	Phạm Phan Ngọc	Tú	CCQ2112N	8.1	7.5	7.8	
226018	56	2121120469	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	CCQ2112N	8.3	7.5	7.8	
226018	57	2121120428	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	CCQ2112M	8.4	8.0	8.2	
226018	58	2121120424	Huỳnh Thị Minh	Tuyền	CCQ2112M	8.3	8.0	8.1	
226018	59	2121120422	Phú Nữ Hoàng	Ty	CCQ2112M	8.4	8.0	8.2	

226018	60	2121120478	Nguyễn Thị Tường	Vi	CCQ2112N	7.8	7.0	7.3	
226018	61	2121120429	Trần Thị Hồng	Vi	CCQ2112M	7.8	7.5	7.6	
226018	62	2121120471	Bùi Thị Ngọc	Vy	CCQ2112N	8.4	7.5	7.9	
226018	63	2121120461	Hồ Thị Thúy	Vy	CCQ2112N	7.6	8.5	8.2	
226018	64	2121120462	Trần Thị Thanh	Xinh	CCQ2112N	8.0	7.5	7.7	
226018	65	2121120425	Dương Huỳnh Như	Ý	CCQ2112M	8.0	7.0	7.4	
226018	66	2121120438	Đinh Hoàng	Yến	CCQ2112M	7.4	7.0	7.2	
226018	67	2121120468	Trần Thị Hải	Yến	CCQ2112N	7.8	7.5	7.6	

Môn: **Nghệ thuật lãnh đạo; Lớp: CCQ2112QR**
CBGD: **Hà Minh Phước**

Nhóm: **11**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226018	1	2121120562	Diệc Tuấn	Anh	CCQ2112Q	7.3	7.0	7.1	
226018	2	2121120625	Phạm Thị Ngọc	Châu	CCQ2112R	6.5	6.0	6.2	
226018	3	2121120615	Nguyễn Phước	Đại	CCQ2112R	7.8	5.5	6.4	
226018	4	2121120602	Lê Thị Trúc	Đào	CCQ2112R				V
226018	5	2121120581	Hà Thị	Diệu	CCQ2112Q				V
226018	6	2121120577	Trương Thị	Điều	CCQ2112Q	7.3	6.5	6.8	
226018	7	2121120605	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	CCQ2112R	8.0	7.5	7.7	
226018	8	2121120603	Nguyễn Văn	Hải	CCQ2112R	7.1	7.5	7.4	
226018	9	2121120616	Huỳnh Thái Ngọc	Hân	CCQ2112R	7.4	5.5	6.3	
226018	10	2121120565	Nhữ Thị	Hằng	CCQ2112Q				V
226018	11	2121120607	Trần Thanh	Hảo	CCQ2112R	6.9	5.0	5.8	
226018	12	2121120635	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	CCQ2112R	7.9	6.0	6.8	
226018	13	2121120599	Phạm Thị	Hiếu	CCQ2112R				V
226018	14	2121120570	Trần Đỗ Huy	Hoàng	CCQ2112Q	7.4	6.0	6.6	
226018	15	2121120368	Trần Thanh	Hùng	CCQ2112K	6.8	6.0	6.3	
226018	16	2121120575	Phạm Minh	Huy	CCQ2112Q	6.3	6.5	6.4	
226018	17	2121120590	Lê Thị Mỹ	Huyền	CCQ2112Q	7.9	6.5	7.1	
226018	18	2121120579	Nguyễn Hữu Chí	Khang	CCQ2112Q	7.4	7.0	7.2	
226018	19	2121120622	Trương Tấn	Khoa	CCQ2112R	7.8	6.0	6.7	
226018	20	2121120623	Lưu Nữ Ánh	Khuyên	CCQ2112R	7.8	7.0	7.3	
226018	21	2121120439	Lê Thị Tiểu	Lam	CCQ2112M	7.4	8.0	7.8	
226018	22	2121120585	Hồng Thị Kim	Linh	CCQ2112Q	7.1	5.0	5.9	
226018	23	2121120574	Trần Quốc	Long	CCQ2112Q	7.8	7.0	7.3	
226018	24	2121120582	Nguyễn Văn	Luân	CCQ2112Q	7.3	6.5	6.8	
226018	25	2121120568	Triệu Tiến	Mười	CCQ2112Q	7.1	7.5	7.4	
226018	26	2121120610	Bùi Thị Thiên	Nga	CCQ2112R	7.8	5.0	6.1	
226018	27	2121120598	Nguyễn Thúy	Ngân	CCQ2112R	7.8	7.0	7.3	
226018	28	2121120632	Hồ Thị Ngọc	Ngoan	CCQ2112R	8.5	7.5	7.9	

226018	29	2121120589	Nguyễn Hồng	Ngọc	CCQ2112Q	7.6	5.5	6.4	
226018	30	2121120628	Lê Kim	Ngọc	CCQ2112R	8.0	8.0	8.0	
226018	31	2121120611	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CCQ2112R	8.5	9.0	8.8	
226018	32	2121120639	Phan Lê Uyên	Nhi	CCQ2112Q				v
226018	33	2121120572	Ngô Thị Huỳnh	Như	CCQ2112Q	7.9	7.5	7.7	
226018	34	2120120024	Lê Vinh	Quang	CCQ2012A	7.6	7.5	7.6	
226018	35	2121120630	Trần Thị Nhật	Quyên	CCQ2112Q	7.9	6.0	6.8	
226018	36	2121120564	Phạm Thị Như	Quỳnh	CCQ2112Q	8.3	7.0	7.5	
226018	37	2121120561	Phạm Thị Như	Quỳnh	CCQ2112Q	7.8	9.0	8.5	
226018	38	2121120619	Nguyễn Thanh	Son	CCQ2112R				v
226018	39	2121170047	Huỳnh Quốc	Tài	CCQ2112R	7.3	8.0	7.7	
226018	40	2121120604	Võ Như	Tâm	CCQ2112R	6.8	7.5	7.2	
226018	41	2121120586	Nguyễn Thành	Thắng	CCQ2112Q				v
226018	42	2121120580	Bùi Lê Bích	Thảo	CCQ2112Q	7.9	7.0	7.4	
226018	43	2121120636	Đặng Thị Kim	Thoa	CCQ2112R	7.8	7.5	7.6	
226018	44	2121120583	Nguyễn Đình Thị H	Thương	CCQ2112Q	7.4	7.5	7.5	
226018	45	2121120576	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CCQ2112Q				v
226018	46	2121120592	Trần Thị Thanh	Thủy	CCQ2112Q	7.4	7.0	7.2	
226018	47	2121120621	Đỗ Ngọc	Trâm	CCQ2112R	6.6	7.0	6.9	
226018	48	2121120629	Hồ Huyền	Trân	CCQ2112Q	7.8	7.5	7.6	
226018	49	2121120601	Võ Thị Thanh	Trân	CCQ2112R	8.0	8.5	8.3	
226018	50	2121120591	Nguyễn Thu	Trang	CCQ2112Q	7.8	6.0	6.7	
226018	51	2121120563	Nguyễn Thị Minh	Trang	CCQ2112Q	7.3	7.0	7.1	
226018	52	2121120617	Nguyễn Ái Minh	Triệu	CCQ2112R	8.0	8.0	8.0	
226018	53	2121120573	Nguyễn Thị Thu	Trinh	CCQ2112Q	7.4	8.0	7.8	
226018	54	2121120609	Hoàng Thanh	Tùng	CCQ2112R	7.6	7.0	7.3	
226018	55	2121120627	Nguyễn Thị Yến	Vy	CCQ2112R	7.1	5.0	5.9	
226018	56	2121120569	Lê Thị Thanh	Xuân	CCQ2112Q				v
226018	57	2121120631	Võ Nguyễn Ngọc H	Ý	CCQ2112R	8.3	6.5	7.2	